2516

HIỆP ĐỊNH

giữa

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

và

CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ BA LAN

VỀ VIỆC CHUYỂN GIAO VÀ NHẬN TRỞ LẠI CÔNG DÂN CỦA HAI NƯỚC

Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hoà Ba Lan (sau đây gọi là các Bên ký kết),

- mong muốn tăng cường quan hệ hợp tác song phương và bảo đảm cho việc đi lại của công dân hai nước,

- tôn trọng những quy định của các điều ước quốc tế có liên quan và nhằm ngăn chặn việc di cư bất hợp pháp,

- nhằm xây dựng cho các cơ quan có thẩm quyền của các Bên ký kết những quy định thống nhất về việc chuyển giao và nhận trở lại những công dân của nước Bên ký kết này không đáp ứng các điều kiện về nhập cảnh và cư trú trên lãnh thổ của nước Bên ký kết kia,

đã thoả thuận như sau:

Điều 1

1. Phù hợp với những quy định của Hiệp định này, theo đề nghị của Bên Ba Lan, Bên Việt Nam sẽ nhận trở lại những công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam không đáp ứng các điều kiện về nhập cảnh và cư trú trên lãnh thổ Cộng hoà Ba Lan (sau đây gọi là người bị chuyển giao).

2. Bên Ba Lan sẽ nhận ngay trở lại Ba Lan người bị chuyển giao mà không qua các thủ tục không cần thiết, nếu sau khi trở về Việt Nam và qua xác minh của các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, họ không có quốc tịch Việt Nam hoặc không đáp ứng các điều kiện khác quy định trong Hiệp định này.

Điều 2

1. Việc chuyển giao và nhận trở lại phải phù hợp với pháp luật của các Bên ký kết, pháp luật quốc tế và bảo đảm các nguyên tắc trật tự, an toàn, tôn trọng nhân phẩm, bao gồm cả khía cạnh nhân đạo, tính thống nhất gia đình của người bị chuyển giao.

2. Nếu người bị chuyển giao có lý do chứng minh sự cần thiết phải giải quyết các vấn đề cá nhân hoặc tài sản, Bên Ba Lan sẽ cho phép người đó được ở lại trong một thời gian được xác định để giải quyết những vấn đề này trước khi chuyển giao và trên cơ sở từng trường hợp nếu có lý do cụ thể.

3. Phù hợp với pháp luật Cộng hoà Ba Lan, người bị chuyển giao có quyền mang theo hoặc chuyển về Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam toàn bộ tài sản, tiền và các phương tiện thanh toán khác có được một cách hợp pháp trong thời gian cư trú ở Cộng hoà Ba Lan.

Điều 3

Phù hợp với khoản 1 Điều 1, sau khi hoàn tất thủ tục xác minh, Bên Việt Nam sẽ nhận trở lại người bị chuyển giao với điều kiện người này đáp ứng các điều kiện sau:

1) có quốc tịch Việt Nam và không có quốc tịch nước khác,

2) bất kỳ lúc nào trước khi đến lãnh thổ Cộng hoà Ba Lan, có nơi thường trú tại Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và không có nơi thường trú tại nước thứ ba,

3) đã nhận được quyết định trục xuất có hiệu lực thi hành phù hợp với pháp luật của Cộng hoà Ba Lan.

Điều 4

1. Trường hợp việc chuyển giao chưa được thực hiện và sau khi nhận được từ Bên Việt Nam chi tiết bổ sung qua thủ tục xác minh theo quy định tại Điều 3, theo đề nghị của Bên Việt Nam, Bên Ba Lan sẽ xem xét lại một lần nữa việc chuyển giao.

2. Trong trường hợp người bị chuyển giao được nước thứ ba cho phép nhập cảnh và cư trú , Bên Ba Lan sẽ tạo điều kiện cho người này đến nước đó và không được chuyển giao người đó cho Bên Việt Nam.

Điều 5

1. Bên Việt Nam sẽ trả lời đề nghị của Bên Ba Lan về việc nhận trở lại người bị chuyển giao trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị. Bên Việt Nam sẽ cố gắng rút ngắn thời gian trả lời trong trường hợp được Bên Ba Lan thông báo là người bị chuyển giao đang bị tạm giữ tại một cơ sở được canh phòng hoặc đang bị tạm giữ để trục xuất.

2. Bên Ba Lan sẽ thông báo cho Bên Việt Nam về ngày dự kiến chuyển giao chậm nhất là 15 ngày trước ngày chuyển giao người bị chuyển giao.

3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận trở lại người bị chuyển giao, Bên Việt Nam phải thông báo cho Bên Ba Lan về việc người đó thuộc diện Bên Ba Lan phải nhận trở lại theo quy định tại khoản 2 Điều 1. Trong trường hợp người bị chuyển giao không có quốc tịch Việt Nam vào ngày chuyển giao thì thời hạn trên sẽ không được áp dụng.

Điều 6

Mọi chi phí liên quan đến việc chuyển giao nêu tại khoản 1 và 2 Điều 1 sẽ do Bên Ba Lan chịu.

Điều 7

Nhằm thực hiện có hiệu quả các quy định của Hiệp định này, các Bên ký kết sẽ hợp tác trong phạm vi trao đổi chuyên gia, kinh nghiệm, tiến hành các hình thức đào tạo, ngoài ra sẽ hỗ trợ nhau về mặt tổ chức, kỹ thuật và công nghệ.

Điều 8

1. Những dữ liệu cá nhân cần thiết để thực hiện Hiệp định này bao gồm:

a) thông tin về nhân thân của người bị chuyển giao và nếu cần của thành viên gia đình người đó, cụ thể là: họ tên, các họ tên sử dụng trước đây, bí danh, biệt hiệu (nếu có), ngày, nơi sinh, giới tính, quốc tịch hiện nay và trước kia,

b) hộ chiếu, chứng minh thư, các giấy tờ khác xác định nhân thân, các giấy tờ có giá trị qua lại biên giới (số, ngày cấp, nơi cấp, cơ quan cấp, thời hạn giá trị v.v...),

c) những dữ liệu khác cần thiết cho việc xác minh nhân thân người bị chuyển

c) những dữ liệu khác cần thiết cho việc xác minh nhân thân người bị chuyển giao,

d) những nơi đã cư trú và hành trình chuyến đi,

e) giấy phép cư trú hoặc thị thực được cấp,

f) các giấy tờ khác để xác minh nhân thân (nếu có) mà có thể được sử dụng để kiểm tra các điều kiện nhận trở lại người bị chuyển giao theo Hiệp định này.

2. Việc chuyển giao những dữ liệu cá nhân sẽ được thực hiện phù hợp với pháp luật của mỗi Bên ký kết và theo những nguyên tắc sau:

a) những dữ liệu cá nhân chỉ được sử dụng vào mục đích và theo những điều kiện do cơ quan chuyển giao quy định,

b) theo yêu cầu của cơ quan chuyển giao, cơ quan tiếp nhận dữ liệu phải thông báo cho cơ quan chuyển giao cách thức sử dụng các dữ liệu đã được chuyển giao và kết quả đạt được,

c) những dữ liệu cá nhân chỉ có thể được chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền. Việc chuyển giao tiếp cho cơ quan khác chỉ được thực hiện nếu có sự đồng ý trước của cơ quan chuyển giao dữ liệu.

d) Cơ quan chuyển giao có trách nhiệm lưu ý đến tính chính xác của những dữ liệu chuyển giao, cũng như mức độ cần thiết và thích hợp của việc chuyển giao những dữ liệu đó trong việc đạt được những mục đích theo quy định. Những quy định cấm chuyển giao dữ liệu đang có hiệu lực theo pháp luật của nước của cơ quan chuyển giao cũng cần được tuân thủ. Trong trường hợp chuyển giao những dữ liệu không đúng hoặc những dữ liệu bị cấm chuyển giao thì cơ quan tiếp nhận dữ liệu sẽ được thông báo ngay và phải có trách nhiệm sửa hoặc hủy các dữ liệu như vậy,

e) cơ quan chuyển giao và cơ quan tiếp nhận dữ liệu phải lập hồ sơ về việc chuyển giao và tiếp nhận các dữ liệu cá nhân,

f) cơ quan chuyển giao và cơ quan tiếp nhận dữ liệu phải bảo vệ có hiệu quả các dữ liệu cá nhân đã được chuyển giao, ngăn chặn người không có nhiệm vụ tiếp cận, thay đổi hoặc tiết lộ dữ liệu đó.

Điều 9

Cách thức, thủ tục thực hiện Hiệp định cũng như những cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm áp dụng Hiệp định này được xác định trong Nghị định thư. Nghị định thư là một bộ phận không tách rời của Hiệp định này.

Điều 10

Những quy định của Hiệp định này cũng được áp dụng trong trường hợp công dân Cộng hòa Ba Lan không đáp ứng các điều kiện về nhập cảnh và cư trú trên lãnh thổ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 11

Các Bên ký kết cam kết không áp dụng những quy định của Hiệp định đối với công dân của một Bên ký kết này nếu xác định người đó đã vào lãnh thổ của Bên ký kết kia trước ngày Hiệp định này có hiệu lực.

Điều 12

Các Bên ký kết sẽ định kỳ đánh giá việc thực hiện Hiệp định này, ít nhất 5 năm một lần.

Điều 13

Các điều khoản của Hiệp định này không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của mỗi Bên ký kết theo các điều ước quốc tế mà Bên ký kết đó ký kết hoặc gia nhập.

Điều 14

Mọi tranh chấp phát sinh từ việc giải thích và thực hiện Hiệp định này sẽ được giải quyết trên cơ sở thoả thuận giữa các cơ quan có thẩm quyền được xác định trong Nghị định thư. Trong trường hợp không đạt được thoả thuận, tranh chấp sẽ được giải quyết qua đường ngoại giao.

Điều 15

1. Hiệp định này phải được phê duyệt hoặc phê chuẩn phù hợp với pháp luật của mỗi Bên ký kết. Việc phê duyệt hoặc phê chuẩn sẽ được khẳng định bằng trao đổi công hàm ngoại giao. Hiệp định có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày nhận được công hàm sau cùng khẳng định việc phê duyệt hoặc phê chuẩn.

2. Hiệp định này có hiệu lực không thời hạn. Các Bên ký kết có thể thông báo việc huỷ bỏ Hiệp định thông qua trao đổi công hàm. Trong trường hợp đó, Hiệp định sẽ mất hiệu lực sau 90 ngày kể từ ngày nhận được công hàm đề nghị huỷ bỏ.

3. Hiệp định này có thể được sửa đổi, bổ sung bằng văn bản theo sự thoả thuận của các Bên ký kết.

Hiệp định này được làm tại Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2004, thành 2 bản gốc, mỗi bản bằng tiếng Việt Nam, tiếng Ba Lan và tiếng Anh; tất cả các văn bản có giá trị như nhau; trường hợp có sự khác nhau khi giải thích, bản tiếng Anh sẽ được dùng để đối chiếu.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	THAY MẶT CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ BA LAN
Nguyễn Phú Bình Thứ trưởng Bộ Ngoại giao	Bô-gu-soap Da-le-ski Thứ trưởng Bộ Ngoại giao

Załącznik nr 2

U M O W A

między Rządem Socjalistycznej Republiki Wietnamu a Rządem Rzeczypospolitej Polskiej o przekazywaniu i przyjmowaniu obywateli obu Państw

Rząd Socjalistycznej Republiki Wietnamu i Rząd Rzeczypospolitej Polskiej, zwane dalej " Umawiającymi się Stronami ",

- kierując się pragnieniem rozwoju wzajemnej współpracy i zapewnienia podróżowania obywateli Państw Umawiających się Stron,

- przestrzegając postanowień umów międzynarodowych oraz przeciwdziałając nielegalnej migracji,

- mając na celu określenie dla właściwych organów Państw Umawiających się Stron jednolitych warunków przekazywania i przyjmowania obywateli Państwa jednej Umawiającej się Strony nie spełniających warunków dla wjazdu i pobytu na terytorium Państwa drugiej Umawiającej się Strony,

uzgodniły, co następuje :

Artykuł 1

1. Zgodnie z postanowieniami niniejszej Umowy, na wniosek Strony polskiej, Strona wietnamska przyjmie obywateli Socjalistycznej Republiki Wietnamu nie spełniających warunków dla wjazdu i pobytu na terytorium Rzeczypospolitej Polskiej – zwanych dalej „ osobami przekazywanymi ".

2. Strona polska przyjmie niezwłocznie z powrotem bez zbędnych formalności osoby przekazane, jeżeli po przyjeździe do Socjalistycznej Republiki Wietnamu i sprawdzeniu przez właściwe organy Strony wietnamskiej okaże się, że osoby te nie posiadają obywatelstwa wietnamskiego lub nie spełniają innych warunków określonych w niniejszej Umowie.

Artykuł 2

1. Przekazywanie i przyjmowanie musi się odbywać zgodnie z prawem Państw obu Umawiających się Stron oraz prawem międzynarodowym, a także musi gwarantować zachowanie zasad porządku i bezpieczeństwa, poszanowania godności, z uwzględnieniem aspektów humanitarnych oraz integralności rodziny osoby przekazywanej.

2. Jeżeli osoba przekazywana wykaże, że niezbędne jest załatwienie przez nią szczególnych spraw osobistych i majątkowych, Strona polska umożliwi jej przed przekazaniem przez czas określony, uzasadniony konkretną sytuacją, załatwienie tych spraw.

3. Osoby przekazywane mają prawo, zgodnie z przepisami prawa wewnętrznego Rzeczypospolitej Polskiej, do zabrania ze sobą lub przekazania do Socjalistycznej Republiki Wietnamu majątku, w tym środków płatniczych, legalnie zgromadzonych podczas pobytu w Rzeczypospolitej Polskiej.

Artykuł 3

Strona wietnamska, po przeprowadzeniu procedury sprawdzającej, przyjmie osobę przekazywaną zgodnie z artykułem 1 ustęp 1, jeżeli osoba ta spełnia następujące warunki :

1) posiada obywatelstwo wietnamskie i nie posiada żadnego innego obywatelstwa.

2) kiedykolwiek przed przybyciem na terytorium Rzeczypospolitej Polskiej miała miejsce stałego zamieszkania na terytorium Socjalistycznej Republiki Wietnamu i nie ma miejsca stałego zamieszkania w państwie trzecim,

3) otrzymała decyzję o wydaleniu, podlegającą wykonaniu zgodnie z przepisami prawa wewnętrznego Rzeczypospolitej Polskiej.

Artykuł 4

1. Strona polska ponownie, na wniosek Strony wietnamskiej, rozważy przekazanie osoby w przypadku, gdy nie nastąpiło jeszcze jej przekazanie po otrzymaniu od Strony wietnamskiej dodatkowych ustaleń dokonanych w toku przeprowadzonej procedury sprawdzającej, o której mowa w artykule 3.

2. W przypadku, kiedy osoba przekazywana posiada ważne zezwolenie na wjazd i pobyt w państwie trzecim, Strona polska umożliwi jej wyjazd do tego państwa i odstąpi od przekazania tej osoby Stronie wietnamskiej.

Artykuł 5

1. Strona wietnamska udzieli Stronie polskiej odpowiedzi na wniosek o przyjęcie osoby przekazywanej w terminie do 45 dni od dnia otrzymania wniosku. Strona wietnamska zobowiązuje się maksymalnie skrócić termin udzielenia odpowiedzi w przypadku, gdy Strona polska powiadomi Stronę wietnamską, że osoba przekazywana została umieszczona w strzeżonym ośrodku lub w areszcie w celu wydalenia.

2. Strona polska poinformuje Stronę wietnamską o planowanym terminie przekazania osoby co najmniej 15 dni przed dniem przekazania.

3. Zgłoszenie Stronie polskiej przez Stronę wietnamską osoby przekazanej, do przyjęcia w trybie artykułu 1 ustęp 2, może nastąpić w terminie 90 dni od dnia przekazania Stronie wietnamskiej tej osoby, z wyjątkiem przypadku, gdy osoba ta nie posiadała w dniu przekazania obywatelstwa wietnamskiego.

Artykuł 6

Wszelkie koszty związane z przekazaniem osoby, o której mowa w artykule 1 ustęp 1 i 2, będą pokrywane przez Stronę polską.

Artykuł 7

W celu zapewnienia sprawnej realizacji postanowień Umowy, Umawiające się Strony będą współpracować w zakresie wymiany ekspertów, doświadczeń, prowadzenia szkoleń, a także będą się wspierać organizacyjnie, technicznie i technologicznie.

Artykuł 8

1. Dane osobowe, niezbędne do realizacji niniejszej Umowy, mogą obejmować:

a) dane personalne osoby przekazywanej i w razie potrzeby członków jej rodziny, to jest nazwisko, imię, ewentualnie poprzednie nazwiska, przydomki lub pseudonimy, przezwiska, datę i miejsce urodzenia, płeć, aktualne i ewentualne wcześniejsze obywatelstwa,

b) paszport, dowód osobisty i inne dokumenty stwierdzające tożsamość, dokumenty służące ustaleniu tożsamości, przepustki graniczne lub inne dokumenty uprawniające do przekraczania granicy (numer, data ważności, data wydania, organ wydający, miejsce wydania, itd.),

c) inne dane służące identyfikacji osób przekazywanych,

d) miejsca pobytu i opis tras podróży,

e) wydane zezwolenia na pobyt lub wizę,

f) inne materiały służące identyfikacji osób, które mogłyby mieć znaczenie dla sprawdzenia warunków przyjęcia osób przekazywanych, zgodnie z niniejszą Umową.

2. Przekazywanie danych osobowych będzie następować zgodnie z prawem wewnętrznym Państwa każdej Umawiającej się Strony, z uwzględnieniem następujących zasad:

a) dane osobowe mogą być wykorzystywane tylko w podanym celu i na warunkach określonych przez organ przekazujący,

b) na wniosek organu przekazującego organ otrzymujący powiadomi go o sposobie wykorzystania przekazanych danych oraz o uzyskanych wynikach,

c) dane osobowe mogą być przekazywane wyłącznie właściwym organom i służbom. Przekazywanie danych innym organom lub służbom będzie możliwe jedynie po uprzednim uzyskaniu zgody organu przekazującego.

d) organ przekazujący zobowiązany jest zwrócić uwagę na prawidłowość przekazywanych danych oraz na potrzebę i współmierność ich przekazania do zamierzonego celu. Należy przy tym przestrzegać zakazów przekazywania danych, jakie obowiązują w prawie wewnętrznym państwa organu przekazującego. W przypadku przekazania błędnych danych lub których nie wolno było przekazywać, należy o tym niezwłocznie powiadomić organ otrzymujący, który zobowiązany jest skorygować lub zniszczyć te dane,

e) organ przekazujący oraz organ otrzymujący zobowiązany jest do udokumentowania faktu przekazania i otrzymania danych osobowych,

f) organ przekazujący oraz organ otrzymujący zobowiązany jest do skutecznej ochrony przekazanych danych osobowych przed dostępem do nich osób nieuprawnionych, ich zmianą lub ujawnieniem.

Artykuł 9

Sposób i tryb realizacji niniejszej Umowy oraz organy właściwe do jej wykonywania określone są w Protokole. Protokół stanowi integralną część niniejszej Umowy.

Artykuł 10

W przypadku, gdy obywatel Rzeczypospolitej Polskiej nie spełnia warunków obowiązujących dla wjazdu i pobytu na terytorium Socjalistycznej Republiki Wietnamu, postanowienia niniejszej Umowy będą odpowiednio stosowane.

Artykuł 11

Umawiające się Strony nie będą stosować postanowień niniejszej Umowy wobec obywateli jednej z Umawiających się Stron, jeżeli zostało ustalone, że wjechali oni na terytorium Państwa drugiej Umawiającej się Strony przed dniem wejścia w życie niniejszej Umowy.

Artykuł 12

Umawiające się Strony będą dokonywały okresowej oceny realizacji postanowień niniejszej Umowy, nie rzadziej niż w okresach pięcioletnich.

Artykuł 13

Postanowienia niniejszej Umowy nie naruszają praw i zobowiązań każdej z Umawiających się Stron wynikających z innych umów międzynarodowych, których są stronami.

Artykuł 14

Spory dotyczące interpretacji lub stosowania niniejszej Umowy będą rozstrzygane w drodze uzgodnień między właściwymi organami określonymi w Protokole. W przypadku nie osiągnięcia porozumienia, spory będą rozstrzygane na drodze dyplomatycznej.

Artykuł 15

1. Niniejsza Umowa podlega zatwierdzeniu lub ratyfikacji zgodnie z prawem wewnętrznym Państwa każdej z Umawiających się Stron, co zostanie stwierdzone w drodze wymiany not dyplomatycznych. Umowa wejdzie w życie po upływie 30 dni od dnia otrzymania noty późniejszej stwierdzającej takie zatwierdzenie lub ratyfikację.

2. Niniejsza Umowa zawarta jest na czas nieokreślony. Może być ona wypowiedziana przez każdą z Umawiających się Stron w drodze notyfikacji. W takim przypadku Umowa traci moc po upływie 90 dni od dnia otrzymania noty informującej o wypowiedzeniu.

3. Niniejsza Umowa może być zmieniana w formie pisemnej, za wzajemną zgodą obu Umawiających się Stron.

Niniejszą Umowę sporządzono w Ha Noi dnia ..... roku w dwóch egzemplarzach, każdy w językach wietnamskim, polskim i angielskim, przy czym wszystkie teksty są jednakowo autentyczne. W przypadku rozbieżności przy ich interpretacji tekst angielski będzie uważany za rozstrzygający.

Z upoważnienia
Rządu
Socjalistycznej Republiki Wietnamu

Z upoważnienia
Rządu
Rzeczypospolitej Polskiej

AGREEMENT

between

the Government of the Socialist Republic of Vietnam

and

the Government of the Republic of Poland

on transferring and readmitting citizens of both States

The Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the Republic of Poland, hereinafter referred to as "the Contracting Parties",

- desiring to develop mutual cooperation and ensure travelling of the citizens of the States of the Contracting Parties,

- respecting the provisions of the international agreements and counteracting illegal migration,

- aiming to set forth for the competent authorities of the States of the Contracting Parties the uniform terms and conditions of transferring and readmitting the citizens of the State of a Contracting Party who are out of compliance with the terms and conditions of entry and stay on the territory of the State of the other Contracting Party.

have agreed as follows:

Article 1

1. Pursuant to the provisions of this Agreement, upon the request of the Polish Party, the Vietnamese Party shall readmit the citizens of the Socialist Republic of Vietnam, who are out of compliance with the terms and conditions of entry and stay on the territory of the Republic of Poland, hereinafter referred to as "transferred persons".

2. The Polish Party shall immediately readmit, without unnecessary formalities, any transferred persons, provided that upon the arrival into the Socialist Republic of Vietnam and verification by the competent authorities of the Vietnamese Party, it turns out that these persons do not hold the Vietnamese citizenship or are out of compliance with other terms and conditions of this Agreement.

Article 2

1. The transfer and readmission shall be subject to the national laws of the States of both Contracting Parties and the international law, and shall also guarantee the observance of order and safety rules, respect for dignity, including the humanitarian aspects and integrity of the transferred persons' family.

2. If the transferred persons presents the evidence that it is necessary for this person to settle particular personal or property matters, the Polish Party, for a definite period of time, shall allow this person, prior to transferring, on case-by-case basis justified by the specific situation, to settle these matters.

3. The transferred persons have the right, in accordance with the provisions of the national laws of the Republic of Poland, to take or transfer to the Socialist Republic of Vietnam any property, including any means of payment, legally acquired during the stay in the Republic of Poland.

Article 3

The Vietnamese Party, upon carrying out the verification procedure, shall readmit the transferred person pursuant to paragraph 1 of Article 1 provided that the person concerned meets the following terms and conditions:

1) holds the Vietnamese citizenship and does not hold any other citizenship,

2) had, at any time, prior to arrival on the territory of the Republic of Poland, a permanent residence on the territory of the Socialist Republic of Vietnam and does not have a permanent residence in a third country,

3) has received an expel decision to be implemented in accordance with the provisions of the national laws of the Republic of Poland.

Article 4

1. Upon the request of the Vietnamese Party, the Polish Party shall once more reconsider the transfer, provided that the person concerned has not already been transferred, following the receipt from the Vietnamese Party of any additional findings resulting from the verification procedure referred to in Article 3.

2. In the event the transferred person holds a valid permit for entry and stay in a third country, the Polish Party shall enable the transferred person to leave to this country and shall refrain from transferring this person to the Vietnamese Party.

Article 5

1. The Vietnamese Party shall answer to the readmission request concerning the transferred person issued by the Polish Party within 45 days from the date of receipt of such a request. The Vietnamese Party shall put its best efforts to shorten the response time when the Polish Party notifies the Vietnamese Party that the transferred person has been put in a guarded facility or under detention in order to be expelled.

2. The Polish Party shall notify the Vietnamese Party of the scheduled transfer date of a transferred person at least 15 days prior to this date.

3. The readmission request subject to paragraph 2 of Article 1 shall be filed by the Vietnamese Party to the Polish Party within 90 days from the transfer date of the person concerned to the Vietnamese Party, except when this person, on the transfer date, did not hold a Vietnamese citizenship.

Article 6

Any costs associated with the transfer of the person referred to in paragraphs 1 and 2 of Article 1, shall be borne by the Polish Party.

Article 7

In order to ensure effective implementation of the provisions of this Agreement, the Contracting Parties shall cooperate in the field of exchange of experts and experience, and delivery of training and also organisationally, technically and technologically support each other.

Article 8

1. Personal data required for the implementation of this Agreement may include:

a) personal information on the transferred person and, if necessary, the members of his/her family, i.e. surname, first name, previous names (if applicable), nicknames or pseudonyms, other names, date and place of birth, sex, present and possible previous citizenship(s),

b) passport, identity card and documents for identity confirmation, documents for identity verification, border passes or other border-crossing authorisations (number, validity, date of issue, issuing authority, place of issue, etc.),

c) other information used to identify the transferred persons,

d) places of stay and description of the trayel routes,

e) issued stay permits or a visa,

f) other materials serving persons identification, if applicable, which could be used to check the terms and conditions of readmission of the transferred persons, subject to this Agreement.

2. The transfer of personal data shall be performed in accordance with the national laws of the States of each of the Contracting Parties, subject to the following principles:

a) personal data may only be used for the purpose and subject to conditions specified by the transferring authority,

b) upon request of the transferring authority the receiving authority shall notify the transferring authority of the method of using the provided data and achieved results,

c) personal data may be provided only to competent authorities and services. The data may be provided to other authorities or services only upon a prior consent of the transferring authority,

d) the transferring authority shall pay attention to the exactness of the transferred data as well as the need and commensurability of their transferring for the intended purpose. The prohibitions of transferring data as permitted by the existing national laws of the State of the transferring authority must be observed. In the event of transferring the incorrect or prohibited data, the receiving authority should be immediately notified and is obliged to correct or destroy such data,

e) the transferring authority and the receiving authority shall document the fact of transfer and receipt of the personal data,

f) the transferring authority and the receiving authority shall effectively protect the provided personal data against access by unauthorised persons, change and disclosure.

Article 9

Methods and procedure of implementation of this Agreement as well as competent authorities responsible for its enforcement are specified in the Protocol. The Protocol constitutes an integral part of this Agreement.

Article 10

In the event a citizen of the Republic of Poland is out of compliance with the terms and conditions of entry and stay on the territory of the Socialist Republic of Vietnam, the provisions of this Agreement shall be applied accordingly.

Article 11

The Contracting Parties shall not apply the provisions of this Agreement to the citizens of one Contracting Party, if determined that these citizens entered the territory of the State of the other Contracting Party prior to the date of entry into force of this Agreement.

Article 12

The Contracting Parties shall periodically evaluate the implementation of the provisions of this Agreement, not less frequently than in 5 year periods.

Article 13

The provisions of this Agreement do not affect any rights and obligations of each of the Contracting Parties under any other international agreements, to which they are a party.

Article 14

Any disputes arising from the interpretation or implementation of this Agreement shall be settled by way of consultations between the competent authorities specified in the Protocol. In the event if an agreement can not be reached, the disputes shall be resolved through the diplomatic channels.

Article 15

1. This Agreement is subject to approval or ratification in accordance with the national laws of the State of each of the Contracting Parties, which shall be confirmed through the exchange of the diplomatic notes. This Agreement shall entry into force after 30 days from the date of receipt of the later note confirming such an approval or ratification.

2. This Agreement is concluded for an indefinite period of time. It may be terminated by each of the Contracting Parties by way of notification. In such a case this Agreement expires after 90 days from the date of receipt of the note of termination.

3. This Agreement may be amended in writing by mutual consent of both Contracting Parties.

This Agreement is done at Hanoi, on 22 April 2004, in two original copies, each one in Vietnamese, Polish and English languages, all texts being equally authentic. In the event of any discrepancies in their interpretation, the English text shall prevail.

For the Government
of the Socialist Republic of Vietnam

Nguyen Phu Binh
Deputy Minister of Foreign Affairs

For the Government
of the Republic of Poland

Bogusław Zaleski
Deputy Minister of Foreign Affairs

NGHỊ ĐỊNH THƯ

thực hiện Hiệp định
giữa
Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
và
Chính phủ Cộng hòa Ba Lan
về việc chuyển giao và nhận trở lại công dân hai nước

Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi là Bên Việt Nam) và Chính phủ Cộng hòa Ba Lan (sau đây gọi là Bên Ba Lan),

Trên cơ sở Điều 9 của Hiệp định giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Ba Lan về việc chuyển giao và tiếp nhận công dân hai nước ký tại Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2004 (sau đây gọi là Hiệp định),

đã thỏa thuận như sau:

Điều 1
Giấy tờ xác định và suy đoán quốc tịch

1. Giấy tờ xác định quốc tịch Việt Nam là một trong những loại giấy tờ dưới đây:

a) Hộ chiếu Việt Nam còn giá trị,

b) Giấy chứng minh nhân dân Việt Nam còn giá trị,

c) Giấy chứng nhận có quốc tịch Việt Nam còn giá trị,

d) Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam,

e) Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam.

2. Giấy tờ xác định quốc tịch Ba Lan là một trong những loại giấy tờ dưới đây:

a) Hộ chiếu Ba Lan còn giá trị,

b) Chứng minh thư còn giá trị,

c) Giấy tờ chứng nhận có quốc tịch Ba Lan,

d) Thẻ thuyền viên có giá trị.

3. Giấy tờ có thể dùng để tham khảo suy đoán quốc tịch Việt Nam:

a) Hộ chiếu Việt Nam đã hết hạn,

b) Giấy chứng minh thư biên giới,

c) Giấy chứng minh quân nhân,

d) Giấy thông hành của Việt Nam có ảnh,

e) Hộ chiếu thuyền viên,

f) Bản sao giấy khai sinh,

g) Sổ hộ khẩu,

h) Thẻ cử tri mới nhất,

i) Giấy phép lái xe,

j) Bản sao các giấy tờ nêu tại khoản 1 Điều này.

4. Giấy tờ có thể dùng để tham khảo suy đoán quốc tịch Ba Lan:

a) Những giấy tờ hết hạn sử dụng nêu tại khoản 2 Điều này,

b) Giấy chứng minh quân nhân,

c) Giấy phép lái xe,

d) Thẻ công chức có ảnh,

e) Bản sao giấy khai sinh,

f) Bản sao các giấy tờ nói tại khoản 2 Điều này,

Điều 2
Giấy tờ nhập cảnh và cư trú tại nước thứ ba

Các Bên không được chuyển giao đối tượng nêu tại khoản 2, Điều 4 của Hiệp định nếu những người này có một trong các giấy tờ còn giá trị sau:

a) Giấy phép cư trú hoặc giấy xác nhận cư trú của nước thứ ba,

b) Giấy tờ đi lại do cơ quan có thẩm quyền của nước thứ ba cấp,

c) Giấy tờ nhân thân do cơ quan có thẩm quyền nước thứ ba cấp,

d) Giấy thông hành do cơ quan có thẩm quyền của nước thứ ba cấp theo Công ước Geneva ngày 28/7/1951 về quy chế người tỵ nạn, được bổ sung bằng Nghị định thư New York ngày 31/01/1967 về quy chế người tỵ nạn,

e) Giấy tờ nhân thân tạm thời do cơ quan có thẩm quyền của nước thứ ba cấp theo Công ước Geneva ngày 28/7/1951 về quy chế người tỵ nạn, được bổ sung bằng Nghị định thư New York ngày 31/01/1967 về quy chế người tỵ nạn,

f) Thị thực nhập cảnh và cư trú còn giá trị do cơ quan có thẩm quyền nước thứ ba cấp.

Điều 3
Thời hạn giải quyết vấn đề cá nhân và tài sản

Trong trường hợp được xác định, cơ quan có thẩm quyền của mỗi Bên tạo điều kiện cho người bị chuyển giao giải quyết các vấn đề cá nhân hoặc tài sản trong thời hạn không quá 45 ngày, kể từ ngày nhận được sự đồng ý của Bên kia về việc nhận trở lại người bị chuyển giao.

Điều 4
Chuyển và nhận hồ sơ

1. Sau khi xác định người thuộc diện nêu tại Điều 3 của Hiệp định thuộc diện có thể bị chuyển giao (dưới đây gọi là người bị chuyển giao), cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết này (dưới đây gọi là Bên chuyển giao) phải chuyển cho cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết kia (dưới đây gọi là Bên nhận trở lại) những giấy tờ sau:

a) Đề nghị chuyển giao của cơ quan có thẩm quyền nêu tại Điều 6 Nghị định thư này,
b) Bản tự khai "dành cho người đang ở trên lãnh thổ Ba Lan/Việt Nam" có thể bị chuyển giao,
c) Bản sao Quyết định trục xuất,
d) Các giấy tờ khác nêu tại Điều 1 của Nghị định thư này, nếu có.

2. Bản sao Quyết định trục xuất và những giấy tờ nêu tại Điều 1 của Nghị định thư này phải được dịch ra ngôn ngữ chính thức của Bên nhận trở lại. Bản sao những giấy tờ này phải được công chứng phù hợp với pháp luật của nước Bên chuyển giao.

3. Trong trường hợp người có thể bị chuyển giao từ chối không điền vào Bản tự khai, thì cơ quan có thẩm quyền của Bên chuyển giao sẽ điền, ký và đóng dấu vào Bản tự khai này dựa trên những thông tin có sẵn và phải xác nhận việc người này từ chối không điền vào Bản tự khai.

4. Bên chuyển giao phải lập danh sách "người dự kiến chuyển giao cho Việt Nam/Ba Lan" và gửi cho Bên nhận trở lại những người được đề nghị chuyển giao (Danh sách A).

5. Sau khi nhận các giấy tờ nêu tại khoản 1 Điều này và danh sách A nêu tại khoản 4 Điều này, Bên nhận trở lại, trong thời hạn được xác định theo khoản 1 Điều 5 của Hiệp định, sẽ gửi cho Bên chuyển giao danh sách "người đủ điều kiện trở lại từ Ba Lan/Việt Nam" (Danh sách B) và danh sách "người không được nhận trở lại Việt Nam/Ba Lan" (Danh sách C).

6. Bên nhận trở lại sẽ cấp Giấy thông hành cho những người có tên trong danh sách B và chuyển cho Bên chuyển giao.

7. Theo đề nghị của Bên chuyển giao, Bên nhận trở lại sẽ thẩm vấn người có thể bị chuyển giao trong trường hợp cần thiết.

8. Mẫu Bản tự khai nêu tại mục b khoản 1 Điều này và mẫu danh sách A, B và C sẽ được đính kèm theo Nghị định thư này thành Phụ lục 1, 2, 3 và 4.

Điều 5
Chuyển giao và nhận trở lại người bị chuyển giao

1. Chậm nhất 15 ngày làm việc trước ngày dự kiến chuyển giao, Bên chuyển giao phải chuyển cho Bên nhận trở lại danh sách "người được chuyển giao về

Việt Nam/Ba Lan" (Danh sách D) và thông báo cho Bên nhận trở lại các thông tin sau:

a) Ngày chuyển giao,

b) Cửa khẩu nhận trở lại người bị chuyển giao,

c) Số hiệu và thời gian dự kiến hạ cánh của máy bay,

2. Trong trường hợp cần thiết có viên chức đi kèm người bị chuyển giao, chậm nhất là 15 ngày làm việc trước ngày dự kiến chuyển giao, Bên chuyển giao phải thông báo cho Bên nhận trở lại các thông tin về nhân thân của viên chức này (họ, tên, quốc tịch, ngày sinh, nơi sinh, giới tính, số hộ chiếu và thời gian lưu trú tại nước của Bên nhận trở lại).

3. Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được những thông tin nêu tại khoản 1 Điều này, Bên nhận trở lại phải khẳng định lại về ngày chuyển giao và cửa khẩu nhận trở lại người bị chuyển giao.

4. Khi chuyển giao người nêu tại khoản 2 Điều này, viên chức đi kèm sẽ trao cho viên chức của Bên nhận trở lại hồ sơ về những người bị chuyển giao. Những viên chức này phải lập và ký biên bản giao nhận, kèm theo danh sách "người được giao nhận về Việt Nam/Ba Lan" (Danh sách E).

5. Mẫu Danh sách D, E và mẫu biên bản giao nhận được đính kèm theo Nghị định thư này thành Phụ lục 5, 6, 7.

Điều 6
Cơ quan có thẩm quyền

1. Các cơ quan có thẩm quyền thực hiện Hiệp định và Nghị định thư này là:

a) Bên Việt Nam:

Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công án

Địa chỉ: 40A Hàng Bài, Hà Nội

Tel: + 84 48 24 50 55; + 84 48 26 09 22

Fax: + 84 48 24 32 87; + 84 48 24 32 88

E-mail: Vnimm@hnn.vnn.vn

b) Bên Ba Lan:
Tổng cục Biên phòng
Địa chỉ hộp thư: Al. Niepodległości 100
02-514 WARSZAWA

Tel: + 48 22 54 29 203; + 48 22 60 29 313 (sau 16h00)

Fax: + 48 22 54 29 205

2. Trong trường hợp cụ thể, cơ quan có thẩm quyền của mỗi Bên ký kết có thể uỷ quyền cho cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự của nước mình chuyển, nhận thông tin, tài liệu, thẩm vấn và cấp giấy thông hành cho người bị chuyển giao.

3. Trong trường hợp thay đổi tên và địa chỉ của cơ quan có thẩm quyền, các Bên ký kết sẽ thông báo cho nhau bằng văn bản.

Điều 7
Điều khoản cuối cùng

Có hiệu lực, thay đổi và hết hiệu lực của Nghị định thư này được áp dụng phù hợp theo qui định Điều 15 của Hiệp định.

Nghị định thư này được làm tại Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2004, thành hai bản gốc; mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Ba Lan và tiếng Anh; tất cả các văn bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau khi giải thích, văn bản tiếng Anh sẽ được dùng để đối chiếu.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Nguyễn Phú Bình
Thứ trưởng Bộ Ngoại giao

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
CỘNG HÒA BA LAN

Bô-gu-soáp Da-le-ski
Thứ trưởng Bộ Ngoại giao

Załącznik nr 3

P R O T O K Ó Ł

w sprawie wykonywania Umowy między Rządem Socjalistycznej Republiki Wietnamu a Rządem Rzeczypospolitej Polskiej o przekazywaniu i przyjmowaniu obywateli obu Państw

Rząd Socjalistycznej Republiki Wietnamu, zwany dalej " Stroną wietnamską " i Rząd Rzeczypospolitej Polskiej, zwany dalej " Stroną polską, "

na podstawie artykułu 9 Umowy między Rządem Socjalistycznej Republiki Wietnamu a Rządem Rzeczypospolitej Polskiej o przekazywaniu i przyjmowaniu obywateli obu Państw, podpisanej w ..... dnia....., zwanej dalej „ Umową ",

uzgodniły, co następuje :

Artykuł 1

Dokumenty służące ustaleniu lub domniemaniu obywatelstwa

1. Obywatelstwo wietnamskie stwierdza się na podstawie jednego z następujących dokumentów:

a) ważnego paszportu wietnamskiego,
b) ważnego wietnamskiego dowodu osobistego,
c) ważnego świadectwa posiadania obywatelstwa wietnamskiego,
d) decyzji o przyjęciu obywatelstwa wietnamskiego,
e) decyzji o przywróceniu do obywatelstwa wietnamskiego.

2. Obywatelstwo polskie stwierdza się na podstawie jednego z następujących dokumentów:

a) ważnego paszportu polskiego,
b) ważnego dowodu osobistego,
c) poświadczenia obywatelstwa polskiego,
d) ważnej książeczki żeglarskiej.

3. Dokumenty, na podstawie których można domniemywać obywatelstwo wietnamskie:

a) paszport wietnamski, który utracił ważność,
b) karta identyfikacyjna wydana dla osoby zamieszkującej w strefie przygranicznej,
c) książeczka wojskowa,
d) dokument podróży ze zdjęciem,
e) książeczka żeglarska,
f) kopia aktu urodzenia,
g) zaświadczenie o zameldowaniu,
h) ostatnio wydana karta wyborcza,
i) prawo jazdy,
j) kopie jednego z dokumentów wymienionych w ustępie 1.

4. Dokumenty, na podstawie których można domniemywać obywatelstwo polskie:

a) jednego z dokumentów wymienionych w ustępie 2, który utracił ważność,
b) książeczka wojskowa,
c) prawo jazdy,
d) legitymacja służbowa ze zdjęciem,
e) kopia aktu urodzenia,
f) kopia jednego z dokumentów wymienionych w ustępie 2.

Artykuł 2

Dokumenty zezwalające na wjazd i pobyt w państwie trzecim

Obie Strony odstąpią od przekazania osoby, o której mowa w artykule 4 ustęp 2 Umowy, jeżeli ta osoba posiada jeden z następujących ważnych dokumentów:

a) zezwolenie na pobyt lub zaświadczenie o pobycie w państwie trzecim,
b) dokument podróży wydany przez właściwy organ państwa trzeciego,
c) dokument tożsamości wydany przez właściwy organ państwa trzeciego,
d) dokument podróży przewidziany w Konwencji dotyczącej statusu uchodźców, sporządzonej w Genewie dnia 28 lipca 1951 roku uzupełnionej Protokołem dotyczącym statusu uchodźców, sporządzonym w Nowym Jorku dnia 31 stycznia 1967 roku, wydany przez właściwy organ państwa trzeciego,
e) tymczasowe zaświadczenie tożsamości cudzoziemca, przewidziane w Konwencji dotyczącej statusu uchodźców, sporządzonej w Genewie dnia 28 lipca 1951 roku uzupełnionej Protokołem dotyczącym statusu uchodźców, sporządzonym w Nowym Jorku dnia 31 stycznia 1967 roku, wydane przez właściwy organ państwa trzeciego,

f) ważną wizę na wjazd i pobyt w państwie trzecim wydaną przez właściwy organ tego państwa.

Artykuł 3

Termin załatwienia spraw osobistych i majątkowych

Właściwe organy każdej Umawiającej się Strony, w uzasadnionych przypadkach, umożliwią osobie przekazywanej załatwienie jej spraw osobistych i majątkowych w okresie nie dłuższym niż 45 dni od dnia otrzymania zgody drugiej Umawiającej się Strony na przyjęcie tej osoby.

Artykuł 4

Przekazywanie i przyjmowanie dokumentów

1. W przypadku gdy osoba spełnia warunki do przekazania określone w artykule 3 Umowy, zwana dalej "osobą przekazywaną ", właściwy organ Państwa jednej Umawiającej się Strony, zwanego dalej " Stroną przekazującą " przekaże właściwemu organowi Państwa drugiej Umawiającej się Strony zwanego dalej " Stroną przyjmującą " następujące dokumenty:

a) wniosek o przyjęcie, sporządzony przez właściwy organ, o którym mowa w artykule 6 niniejszego Protokołu,
b) deklarację osoby przebywającej na terytorium Polski/Wietnamu, podlegającej przekazaniu,
c) kopię decyzji o wydaleniu,
d) inne dokumenty, o których mowa w artykule 1 niniejszego Protokołu, o ile jest to możliwe.

2. Kopia decyzji o wydaleniu i dokumenty wymienione w artykule 1 niniejszego Protokołu muszą być przetłumaczone na język urzędowy Strony przyjmującej. Kopie tych dokumentów poświadcza się, zgodnie z prawem wewnętrznym Strony przekazującej.

3. W przypadku odmowy wypełnienia deklaracji przez osobę przekazywaną deklarację wypełnia, podpisuje i opatruje pieczęcią zgodnie z posiadanymi informacjami właściwy organ Strony przekazującej z adnotacją o odmowie jej wypełnienia przez tę osobę.

4. Strona przekazująca sporządza i przekazuje Stronie przyjmującej listę osób planowanych do przekazania stronie wietnamskiej/polskiej (lista A).

5. Po otrzymaniu dokumentów, o których mowa w ustępie 1 oraz listy A, o której mowa w ustępie 4 Strona przyjmująca w terminie określonym w artykule 5 ustęp 1 Umowy przekaże Stronie przekazującej listę osób spełniającej warunki do przyjęcia na terytorium Wietnamu/Polski (lista B) oraz listę osób nie spełniających warunków do przyjęcia w Wietnamie/ Polsce (lista C).

6. Strona przyjmująca wyda dokumenty podróży dla osób wymienionych w liście B i przekaże te dokumenty Stronie przekazującej.

7. W razie potrzeby na wniosek Strony przekazującej Strona przyjmująca przeprowadzi przesłuchanie osób podlegających przekazaniu.

8. Wzory deklaracji, o której mowa w ustępie 1 punkt b oraz list A, B i C stanowią odpowiednio załączniki nr 1, 2, 3 i 4 do niniejszego Protokołu.

Artykuł 5

Przekazywanie i przyjmowanie osób

1. Strona przekazująca w terminie co najmniej 15 dni roboczych przed planowaną datą przekazania, przekaże Stronie przyjmującej listę osób przekazywanych do Wietnamu/Polski (lista D) oraz informacje o:

a) dacie przekazania osoby,
b) przejściu granicznym, w którym nastąpi przyjęcie osoby przekazywanej,
c) numerze rejsu lotniczego i planowanym terminie przylotu.

2. Strona przekazująca w terminie co najmniej 15 dni roboczych przed planowaną datą przekazania poinformuje Stronę przyjmującą o danych urzędnika konwojującego osobę przekazywaną (nazwisko, płeć, obywatelstwo, data urodzenia, miejsce urodzenia, numer paszportu, okres pobytu na terytorium Państwa Strony przyjmującej),w przypadku gdy taki konwój jest niezbędny.

3. Strona przyjmująca w terminie 3 dni roboczych od daty otrzymania informacji, o których mowa w ustępie 1, potwierdzi datę i przejście graniczne do przyjęcia osoby przekazywanej.

4. Podczas przekazania osoyb przekazywanej zgodnie z ustępem 2, urzędnik konwojujący Strony przekazującej wręcza upoważnionemu urzędnikowi Strony przyjmującej dokumenty osoby przekazywanej .. Urzędnicy ci sporządzają i podpisują protokół przekazania - przyjęcia, do którego dołącza się listę osób przekazanych - przyjmowanych do Wietnamu/Polski (lista E).

5. Wzory listy D, E i protokołu przekazania - przyjęcia osób określają załączniki nr 5, 6 i 7 do niniejszego Protokołu.

Artykuł 6

Organy właściwe

1. Właściwymi organami do wykonywania Umowy i niniejszego Protokołu są:

a) dla Strony wietnamskiej:

Urząd Kontroli Ruchu Granicznego Ministerstwa Bezpieczeństwa Publicznego

Adres do korespondencji: 40A Hàng Bài Hà Nội
Tel.: +84 48 24 50 55
+84 48 26 09 22
Fax: +84 48 24 32 87
+84 48 24 32 88
e-mail: Vnimm@hn.vnn.vn

b) dla Strony polskiej:

Komendant Główny Straży Granicznej

Adres do korespondencji: Al. Niepodległości 100
02 - 514 WARSZAWA
Tel.: + 48 22 54 29 203
Tel. + 48 22 60 29 313 (po godzinie 16.00)
Fax: + 48 22 54 29 205
e-mail: wydzanaliz@sg.gov.pl

2. Właściwy organ każdej Umawiającej się Strony może w uzasadnionych przypadkach upoważnić przedstawicielstwo dyplomatyczne lub urząd konsularny s
wojego Państwa do przekazywania, przyjmowania informacji i dokumentów, przesłuchiwania osób oraz wydawania dokumentów podróży osobom przekazywanym.

3. Umawiające się Strony poinformują się w drodze pisemnej o zmianie nazw lub adresów właściwych organów.

Artykuł 7

Postanowienia końcowe

Postanowienia artykułu 15 Umowy stosuje się odpowiednio do wejścia w życie, zmiany i utraty mocy niniejszego Protokołu.

Sporządzono w Ha Noi dnia ..... roku, w dwóch egzemplarzach, każdy w językach wietnamskim, polskim i angielskim, przy czym wszystkie teksty są jednakowo autentyczne. W razie rozbieżności w ich interpretacji tekst w języku angielskim będzie rozstrzygający.

Z UPOWAŻNIENIA RZĄDU SOCJALISTYCZNEJ REPUBLIKI WIETNAMU

Z UPOWAŻNIENIA RZĄDU RZECZYPOSPOLITEJ POLSKIEJ

PROTOCOL

for the Implementation of the Agreement between the Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the Republic of Poland on Transferring and Readmitting Citizens of both States

The Government of the Socialist Republic of Vietnam, hereinafter referred to as "the Vietnamese Party" and the Government of the Republic of Poland, hereinafter referred to as "the Polish Party",

Pursuant to Article 9 of the Agreement between the Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the Republic of Poland on Transferring and Readmitting Citizens of both States, signed in.....Hanoi..... on 22.April.2009..., hereinafter referred to as "the Agreement",

have agreed as follows:

Article 1
Documents for citizenship determination and presumption

1. Documents determining Vietnamese citizenship shall include one of the following:

a) valid Vietnamese passport,

b) valid Vietnamese identity card,

c) valid certificate of Vietnamese citizenship,

d) decision on Vietnamese naturalization,

e) decision on restoration of Vietnamese citizenship.

2. Documents determining Polish citizenship shall include one of the following:

a) valid Polish passport,

b) valid identity card,

c) certificate of Polish citizenship,

d) valid sailor's book.

3. Documents that may be used as reference in presuming Vietnamese citizenship:

a) expired Vietnamese passport,

b) border people's identity card,

c) Army's identity card,

d) Vietnamese laissez-passer with photo,

e) ship-crew passport,

f) copy of birth certificate,

g) household registration book,

h) most recent polling card,

i) driving license,

j) copy of one of documents referred to in paragraph 1 of this Article.

4. Documents that may be used as reference in presuming Polish citizenship:

a) one of expired documents referred to in paragraph 2 of this Article,

b) Army's identity card,

c) driving license,

d) office's identity card with photo,

e) copy of birth certificate,

f) copy of one of documents referred to in paragraph 2 of this Article.

Article 2
Documents for entry and stay in a third country

Both Parties shall refrain from transferring the person pursuant to paragraph 2 of Article 4 of the Agreement if such a person holds one of the following valid documents:

a) a permission to stay or a certificate of stay in a third country,

b) a travel document issued by a competent authority of a third country,

c) an identity document issued by a competent authority of a third country,

d) a travel document issued by a competent authority of a third country under the July 28, 1951 Geneva Convention Relating to the Status of Refugees as supplemented by the January 31, 1967 New York Protocol Relating to the Status of Refugees,

e) a temporary identity document issued by a competent authority of a third country under the July 28, 1951 Geneva Convention Relating to the Status of Refugees as supplemented by the January 31, 1967 New York Protocol Relating to the Status of Refugees,

f) a valid visa for entry and stay on a third country issued by a competent authority of such a country.

Article 3
Period of time to settle personal or property matters

In the specified case, the competent authorities of each Contracting Party shall enable the transferred person to settle his/her personal or property matters within no more than 45 days period of time from the date of receipt of acceptance by other Contracting Party to readmit this person.

Article 4
Transfer and reception of documents

1. If it is determined that a person is eligible to be transferred pursuant to Article 3 of the Agreement, hereinafter referred to as "transferred person", the competent authority of the State of one Contracting Party, hereinafter referred to as "the transferring Party", shall transfer to the competent authority of the State of other Contracting Party, hereinafter referred to as "the readmitting Party" the following documents:

a) request of readmitting made by the competent authority, referred to in Article 6 of this Protocol,

b) self-declaration for the persons being on the territory of Poland/Vietnam, eligible to be transferred,

c) copy of the expel decision,

d) other documents pursuant to Article 1 of this Protocol, if available.

2. The copy of the expel decision and the documents pursuant to Article 1 of this Protocol must be translated into the official language of the readmitting Party. Copies of these documents must be notarised according to the national laws of the State of the transferring Party.

3. In the event that the person eligible to be transferred refuses to fulfill the self-declaration, the competent authority of the transferring Party shall fulfill, sign and stamp this self-declaration based on disposed information and certify the fact that this person refuses to fulfill this self-declaration.

4. The transferring Party shall made and send to the readmitting Party a List of the persons eligible to be transferred to Vietnam/Poland (List A) .

5. Upon the receipt of all documents pursuant to paragraph 1 of this Article and the List A pursuant to paragraph 4 of this Article, the readmitting Party shall, within the period of time specified in paragraph 1 of Article 5 of the Agreement, transmit to the transferring Party a List of the persons, who meet conditions for readmittance from Poland/Vietnam (List B) and a List of the persons who are not readmitted into Vietnam/Poland (List C).

6. The readmitting Party shall issue laissez-passer to the persons of the List B and transmit these laissez-passer to the transferring Party.

7. Upon the request of the transferring Party, the readmitting Party will, when necessary, interview the persons eligible to be transferred.

8. Specimen of Self-Declaration pursuant to subparagraph b of the paragraph 1 of this Article and specimens of Lists A, B and C will be attached as Annex 1, 2, 3 and 4 to this Protocol.

Article 5
Transfer and readmittance of transferred persons

1. The transferring Party shall, at least 15 days prior to the scheduled transfer date, transmit to the readmitting Party a List of the transferred persons to arrive to Vietnam/Poland (List D) and notify the readmitting Party of the following information:

a) date for transfer,

b) border-gate for readmittance of the transferred persons,

c) flight number and scheduled arrival time.

2. The transferring Party shall, at least 15 days before the scheduled transfer date, notify to the readmitting Party the personal information of the officer who will accompany the transferred person(s) (name, sex, citizenship, date of birth, place of birth, passport number, duration of stay on the territory of the Sate of the readmitting Party) in the event such an escort is necessary.

3. The readmitting Party shall, within 3 days upon the date of receipt of the information pursuant to paragraph 1 of this Article, reconfirm the date for transfer and border-gate for readmittance of the transferred person(s).

4. Upon the transfer of the transferred persons pursuant to paragraph 2 of this Article, the accompanying officer of the transferring Party shall hand-over the authorised officer of the readmitting Party the documentation of the transferred persons. These officers shall made and sign a minutes of transfer and readmittance, which will be attached to the List of the persons, who are transferred and readmitted by Vietnam/Poland (List E).

5. Specimens of List D, E and minutes of transfer and readmittance will be attached as Annexes 5, 6 and 7 to this Protocol.

Article 6
Competent authorities

1. The competent authorities for implementation of the Agreement and this Protocol are :

a) For the Vietnamese Party:
Immigration Department, Ministry of Public Security
Address: 40A Hàng Bài, Hà Nội
Telephone: + 84 48 24 50 55; + 84 48 26 09 22
Fax: + 84 48 24 32 87; + 84 48 24 32 88
E-mail: Vnimm@hn.vnn.vn

b) For the Polish Party:
The Border Guards Commander-in-Chief
Address: Al. Niepodległości 100
02 - 514 WARSZAWA
Telephone: + 48 22 54 29 203; + 48 22 60 29 313 (after 4 pm)
Fax: + 48 22 54 29 205
E-mail: wydzanaliz@sg.gov.pl

2. In the specific cases, the competent authority of each Contracting Party may entrust the diplomatic mission or consular post of its State to transmit, receive information or documents, interview or issue laissez-passer to the transferred person(s).

3. The Contracting Parties shall notify in writing to each other any change of the name or address of the competent authorities.

Article 7
Final provisions

The provisions of Article 15 of the Agreement shall apply accordingly to the entry into force, amendment and termination of this Protocol.

This Protocol is done at Hanoi on 22 April 2004 in two original copies, each one in Vietnamese, Polish and English languages, all texts being equally authentic. In the event of any discrepancies in their interpretation, the English text shall prevail.

For the Government of the Socialist Republic of Vietnam

Nguyen Phu Binh
Deputy Minister of Foreign Affairs

For the Government of the Republic of Poland

Bogusław Zaleski
Deputy Minister of Foreign Affairs